

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỆN THÔNG PETROLIMEX**

## **DỰ ÁN CUNG CẤP VÀ TRIỂN KHAI PHẦN MỀM QUẢN TRỊ NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHÂN HỆ MUA HÀNG**

### **PTC-ERP**

Ngày tạo tài liệu: 25/12/2019

Ngày sửa cuối cùng: 04/11/2020

Mã tài liệu: PTC-ERP\_UG\_MM

Phiên bản: 0 03



## MỤC LỤC

I.	TỔNG QUAN TÀI LIỆU.....	1
1.	Mục đích.....	1
2.	Thuật ngữ và viết tắt.....	1
3.	Ý nghĩa các hình trên hình vẽ.....	2
II.	CÁC QUY TRÌNH XỬ LÝ.....	3
1.	TP/MM.01 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA HÓA ĐƠN NGAY.....	3
1.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>3</b>
1.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>3</b>
1.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 1: Tạo đơn mua hàng (DPO)</b> .....	3
1.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 2a: Nhập hàng/Nhập hóa đơn (DPRX)</b> .....	4
1.2.3.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 2b: Nhập hàng/Nhập hóa đơn - HHK (DPRXK)</b> .....	10
2.	TP/MM.02 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA HÓA ĐƠN SAU.....	14
2.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>14</b>
2.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>14</b>
2.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 1: Tạo đơn mua hàng (DPO)</b> .....	14
2.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 2: Nhập hàng (DPR)</b> .....	15
2.2.3.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 3: Nhập hóa đơn NCC (DPX)</b> .....	20
3.	TP/MM.03 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA HÓA ĐƠN TRƯỚC.....	24
3.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>24</b>
3.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>24</b>
3.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 1: Tạo đơn mua hàng (DPO)</b> .....	24
3.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 2: Nhập hóa đơn NCC (DPRX1)</b> .....	25
3.2.3.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 3: Tạo giao dịch nhập hàng (DPR1)</b> .....	28
4.	TP/MM.04 – QUY TRÌNH DI CHUYỂN NỘI BỘ CÙNG ĐƠN VỊ.....	34
4.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>34</b>
4.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>34</b>
4.2.1.	Hướng dẫn thực hiện quy trình <b>Xuất di chuyển hàng hóa (LTIO)</b> .....	34
5.	TP/MM.05 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI BỘ.....	37
5.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>37</b>
5.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>37</b>
5.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 1: Tạo giao dịch nhập hàng (PIR)</b> .....	37
5.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 2: Tạo giao dịch nhập hóa đơn (PIX)</b> .....	41
6.	TP/MM.06 – QUY TRÌNH NHẬN VÀ TRẢ HÀNG GỬI CỦA KHÁCH HÀNG.....	45
6.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>45</b>
6.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>45</b>
6.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 1: Tạo giao dịch nhập hàng gửi (K2QP)</b> .....	45
6.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 2: Tạo lệnh xuất trả hàng gửi (SOA)</b> .....	46
6.2.3.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 3: Chứng từ xuất kho (DOP)</b> .....	48
7.	TP/MM.07 – QUY TRÌNH KIỂM KÊ HÀNG HÓA.....	53
7.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>53</b>
7.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>53</b>
7.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Tạo giao dịch nhập thừa kiểm kê (A4)</b> .....	53
7.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Tạo giao dịch xuất thiếu kiểm kê (A2)</b> .....	54
8.	TP/MM.08 – QUY TRÌNH NHẬP KHÁC, XUẤT KHÁC.....	56
8.1.	<b>Mục đích quy trình.....</b>	<b>56</b>
8.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình.....</b>	<b>56</b>

8.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Tạo giao dịch nhập khác (A7)</b> .....	56
8.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Tạo giao dịch xuất khác (A6)</b> .....	57
9.	TP/MM.13 – QUY TRÌNH XUẤT HAO HỤT ĐỊNH MỨC.....	59
9.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	59
9.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	59
9.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Tạo giao dịch xuất hao hụt định mức (A1)</b> .....	59
10.	TP/VT.01 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA VẬT TƯ.....	61
10.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	61
10.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	61
10.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 1: Nhập kho vật tư (215)</b> .....	61
10.2.2.	Hướng dẫn thực hiện <b>Bước 2: Nhập hóa đơn sau – Vật tư (215X)</b> .....	62
11.	TP/VT.02a – QUY TRÌNH XUẤT SỬ DỤNG VẬT TƯ – TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN.....	65
11.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	65
11.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	65
11.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Xuất sử dụng vật tư – Không có hóa đơn (218)</b> .....	65
12.	TP/VT.02b – QUY TRÌNH XUẤT SỬ DỤNG VẬT TƯ – TRƯỜNG HỢP CÓ HÓA ĐƠN.....	66
12.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	66
12.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	66
12.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Xuất sử dụng vật tư – Có hóa đơn (219)</b> .....	66
13.	QUY TRÌNH NHẬP HÓA ĐƠN ĐIỀU CHỈNH.....	69
13.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	69
13.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	69
13.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Nhập hóa đơn điều chỉnh nhà cung cấp (PJX)</b> .....	69
14.	QUY TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIÁ VỐN.....	72
14.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	72
14.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	72
14.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Điều chỉnh giá vốn</b> .....	72
15.	QUY TRÌNH KIỂM KÊ HÀNG HÓA.....	73
15.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	73
15.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	73
15.2.1.	Hướng dẫn thực hiện <b>Kiểm kê hàng hóa</b> .....	73
16.	QUY TRÌNH KHAI BÁO GIÁ NHẬP TỪ NHÀ CUNG CẤP.....	74
16.1.	<b>Mục đích quy trình</b> .....	74
16.2.	<b>Hướng dẫn thực hiện quy trình</b> .....	74

**I. TỔNG QUAN TÀI LIỆU****1. Mục đích**

Tài liệu hướng dẫn sử dụng phân hệ mua hàng hướng dẫn chi tiết quy trình nghiệp vụ, các bước thực hiện và thao tác nhập liệu trên phần mềm.

**2. Thuật ngữ và viết tắt**

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Diễn giải
1	VPTCTy	Văn phòng Tổng công ty
2	TCty	Tổng công ty
3	Cty	Công ty
4	CN	Chi nhánh
5	MM - Material Management	Phân hệ quản lý Mua hàng
6	SD - Sales and Distribution	Phân hệ quản lý Bán hàng
7	FI – Financial Accounting	Phân hệ Kế toán tài chính
8	CO - Controlling	Phân hệ kế toán quản trị
9	CS - Consolidation	Phân hệ tổng hợp/ hợp nhất báo cáo tài chính
10	TP - Tobe Process	Quy trình nghiệp vụ
11	NCC	Nhà cung cấp

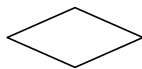
### 3. Ý nghĩa các hình trên hình vẽ



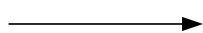
Bước xử lý trong hệ thống



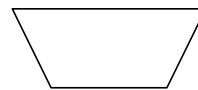
Dữ liệu ngoài hệ thống



Điều kiện rẽ nhánh



Sự kiện phát sinh giao dịch



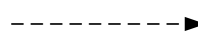
Bước xử lý ngoài hệ thống



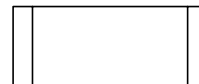
Tài liệu, chứng từ



Bắt đầu/  
Kết thúc



Sự kiện phát sinh chứng từ



Tham chiếu

## II. CÁC QUY TRÌNH XỬ LÝ

### 1. TP/MM.01 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA HÓA ĐƠN NGAY

#### 1.1. Mục đích quy trình

- Quy trình mô tả các bước nhập mua hàng hoá từ nhà cung cấp trong nước. Nhà cung cấp xuất hóa đơn ngay cùng với hàng hóa.

#### 1.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

##### 1.2.1. Hướng dẫn thực hiện Bước 1: Tạo đơn mua hàng (DPO).

###### 1.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã ký kết hợp đồng với nhà cung cấp.

###### 1.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Đơn mua hàng nội địa (DPO)

###### 1.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPO** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hiệu lực	Ngày có hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
3	Phương thức nhập	Lựa chọn phương thức nhập: Hóa đơn ngay	Chọn từ danh mục	X
4	Số tham chiếu	Số hợp đồng, mã hợp đồng	Nhập thủ công	
5	Ngày tham chiếu	Ngày ký kết hợp đồng	Nhập thủ công	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
6	Hình thức mua hàng	FOB/CIF/CFR	Chọn từ danh mục	X
7	Loại hình vận tải	Hình thức vận tải	Mặc định là 3 – Xe bồn, có thể sửa	X
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Chọn từ danh mục	X
2	Đơn vị nhận hàng	Chỉ định đơn hàng sử dụng cho đơn vị nào	Chọn từ danh mục, cho phép tìm kiếm	X
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
4	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Chọn từ danh mục	X
5	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
6	Số lượng	Tổng lượng của đơn mua hàng	Nhập thủ công	X

## 1.2.2. Hướng dẫn thực hiện **Bước 2a: Nhập hàng/Nhập hóa đơn (DPRX)**

### 1.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Căn cứ vào hóa đơn nhà cung cấp xuất.

### 1.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hàng/Nhập hóa đơn (DPRX)

### 1.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPRX** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:



STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Chứng từ tham chiếu	Số chứng từ tham chiếu	Nhập trực tiếp/ Tìm kiếm	X
2	Ngày nhập hàng	Ngày thực tế ghi nhận nhập hàng vào kho	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
3	Ngày lấy đơn hàng	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
4	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Mã nhà cung cấp	Copy từ DPO ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
3	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ DPO ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ DPO ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	X
5	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
6	Số lượng	Lượng hàng viết hóa đơn	Copy lượng hàng trên DPO, có thể sửa và hệ thống chặn không cho nhập quá lượng trên DPO	X
7	Giá trước thuế	Đơn giá trước thuế	Nhập thủ công hoặc Tự tính khi nhập giá sau thuế = Giá sau thuế / (1+VAT)	X
8	VAT (%)	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X
9	Giá sau thuế	Đơn giá sau thuế	Nhập thủ công hoặc Tự tính khi nhập giá trước thuế = Giá trước thuế * (1+VAT)	X
10	Nhiệt độ	Nhiệt độ khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
11	D15	Tỷ trọng khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
12	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
13	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
14	LTT	Số lượng xuất kho tính theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	X
15	L15	Số lượng xuất kho tính theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	X
16	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = L15 * WCF	X
17	Tiền hàng hóa	Tổng tiền chưa có thuế	Tự động tính lại theo Số lượng	X
18	Tổng tiền	Tổng tiền đã có thuế	Tự động tính lại theo Số lượng	X
19	Kho	Kho thực tế nhập hàng	Chọn từ danh mục	X

- **Tab Thông tin lên bồn:** Sau khi nhập đầy đủ các thông tin hàng hóa ta sẽ nhập thông tin lên bồn (Thông tin ảnh hưởng tới hàng tồn kho)

**Nhập hàng kiêm hóa đơn**  
 Chứng từ tham chiếu DPO.14  
 Ngày nhập hàng 25/12/2019 11:12 Ngày lấy đơn hàng  
 Ghi chú

Thông tin hàng hóa **Thông tin lên bồn** Vận tải Hóa đơn VAT Hao hụt Save (Ctrl-S)

Nhà cung cấp 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH Ghi chú

	Hàng hóa	UOM	SL	Nhiệt độ	Tỷ trọng	VCF	WCF	LTT	L15	KG
	[Copy from Thông tin hàng hóa]									
1 >>	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	100 000	30	7890	0.9857	0.7879	100 000	98 570	78 790 X
2 >>										X
3 >>										X

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	NCC	Mã nhà cung cấp	Copy từ tab thông tin hàng hóa	X
2	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab thông tin hàng hóa	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab thông tin hàng hóa	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
4	Số lượng	Số lượng	Copy từ tab thông tin hàng hóa	X
5	Nhiệt độ	Nhiệt độ khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
6	D15	Tỷ trọng khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
7	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
8	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
9	LTT	Số lượng xuất kho tính theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	X
10	L15	Số lượng xuất kho tính theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	X
11	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = LTT * WCF	X

- **Tab Vận tải:** Nếu có theo dõi thông tin vận tải → Nhập thêm thông tin chi tiết

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp vận tải	Nhà cung cấp vận tải	Nhập thủ công	
2	Số phương tiện	Số phương tiện thực vận tải	Nhập thủ công	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
3	Ngày bắt đầu VC	Ngày thực tế bắt đầu vận chuyển	Nhập thủ công	
4	Ngày kết thúc VC	Ngày kết thúc vận chuyển	Nhập thủ công	
5	Hàng hóa	Mặt hàng thực xuất	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
6	ĐVT	Đơn vị nhập kho	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
7	Số lượng	Số lượng theo ĐVT	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
8	LTT	Số lượng theo LTT	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
9	L15	Số lượng theo L15	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
10	KG	Số lượng theo KG	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
11	% HH	Tỷ lệ hao hụt được hưởng	Nhập thủ công	
12	Tuyến đường	Tuyến đường vận chuyển	Chọn từ danh mục	

**- Tab Hóa đơn VAT:**

**Nhập hàng kiêm hóa đơn**

Chứng từ tham chiếu DPO.14

Ngày nhập hàng 25/12/2019 11:12 Ngày lấy đơn hàng

Ghi chú

Thông tin hàng hóa Thông tin lên bản Văn tải **Hóa đơn VAT** Hao hụt Save (Ctrl-S)

NCC 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH

%VAT 10

Hình thức thanh toán CK

Ngày hóa đơn 25/12/2019

Ngày đáo hạn 25/12/2019

Mẫu hóa đơn 01GTKT2/003

Ký hiệu hóa đơn HL/19E

Số hóa đơn 0172489

Tên khách hàng CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH

MST 4200240380

Địa chỉ 10B Nguyễn Thiện Thuật, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Người mua

Email

Tổng tiền hàng 1 450 000 000

Tiền thuế 145 000 000

Tổng tiền 1 595 000 000

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	NCC	Nhà cung cấp	Tự động copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
2	% VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Tự động copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
3	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán cho NCC	Mặc định là CK – chuyển khoản, có thể sửa	X
4	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
5	Ngày đáo hạn	Ngày hết hạn phải thanh toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
6	Mẫu hóa đơn	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
7	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
8	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Tên khách hàng	Tên đầy đủ của khách hàng trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã khách	X
10	MST	Mã số thuế của khách hàng	Tham chiếu từ mã khách	X
11	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã khách	X
12	Người mua	Người đại diện cho công ty mua hàng để ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
13	Email	Email của công ty để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
14	Tổng tiền hàng	Tổng cộng tiền hàng của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
15	Tiền thuế	Tổng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Copy từ tab Thông tin hàng hóa, có thể sửa	X
16	Tổng tiền	Tổng tiền sau thuế của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Copy từ tab Thông tin hàng hóa, có thể sửa	X

- **Tab Hao hụt:** Tab thông tin hao hụt hệ thống tự động tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
2	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
3	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
4	Số lượng	Số lượng trong thông tin hàng hóa	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
5	LTT	Số lượng LTT thực tế hao hụt	Tự tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn	
6	L15	Số lượng L15 thực tế hao hụt	Tự tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn	
7	KG	Số lượng KG thực tế hao hụt	Tự tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn	

### 1.2.3. Hướng dẫn thực hiện **Bước 2b: Nhập hàng/Nhập hóa đơn - HHK (DPRXK)**

#### 1.2.3.1. Điều kiện thực hiện

- Căn cứ vào hóa đơn nhà cung cấp xuất.

#### 1.2.3.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hàng/Nhập hóa đơn - HHK (DPRXK)

#### 1.2.3.3. Hướng dẫn chi tiết

Căn cứ vào Đơn mua hàng hóa khác đã được tạo trên hệ thống trước đó

**Đơn mua hàng nội địa**

**Thông tin chung**

Ngày hiệu lực: 2/1/2020 09:30 Ngày hết hạn: Phương thức nhập: **Hóa đơn ngay**

Số tham chiếu: Ngày tham chiếu:

Hình thức mua hàng: FOB Loại hình vận tải: 3 - Tanker truck

**Thông tin hàng hóa** Save (Ctrl-S)

Nhà cung cấp: 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH Đơn vị nhận hàng: 100 - Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu

Ghi chú:

Hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1 >> 0801060 - Grand Speed 3500 dầu nhớt pha xăng	HOP - Hộp	1 000
2 >>		X
3 >>		X
4 >>		X
5 >>		X

Sau đó, để nhập hàng/Nhập hóa đơn ngay. Người dùng vào bằng Tcode **DPRXK** hoặc theo đường dẫn trên.

**Nhập hàng kiêm hóa đơn - HHK**

Chứng từ tham chiếu: DPO.1

Ngày nhập hàng: 2/1/2020 09:35 Ngày lấy đơn hàng:

Ghi chú:

**Thông tin hàng hóa** Hóa đơn VAT Save (Ctrl-S)

Nhà cung cấp: 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH Ghi chú:

Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Giá trước thuế	VAT%	Tiền hàng hóa	Tổng tiền	Kho
1 >> 0801060 - Grand Speed 3500 dầu nhớt pha xăng	HOP - Hộp	102 - Nguồn	1 000	60 000	10	60 000 000	66 000 000	100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng T
2 >>					10			
3 >>					10			
4 >>					10			

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Chứng từ tham chiếu	Số chứng từ tham chiếu	Nhập trực tiếp/ Tìm kiếm	X
2	Ngày nhập hàng	Ngày thực tế ghi nhận nhập hàng vào kho	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
3	Ngày lấy đơn hàng	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
4	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Mã nhà cung cấp	Copy từ DPO <i>Chỉ hiển thị</i>	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
3	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ DPO <i>Chỉ hiển thị</i>	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ DPO <i>Chỉ hiển thị</i>	X
5	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
6	Số lượng	Lượng hàng viết hóa đơn	Copy lượng hàng trên DPO, có thể sửa và hệ thống chặn không cho nhập quá lượng trên DPO	X
7	Giá trước thuế	Đơn giá trước thuế	Nhập thủ công	X
8	VAT (%)	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X
9	Tiền hàng hóa	Tổng tiền hàng chưa có thuế	Tự động tính lại theo trường Số lượng	X
10	Tổng tiền	Tổng tiền hàng đã có thuế	Tự động tính lại theo trường Số lượng	X
11	Kho	Kho thực tế nhập hàng	Chọn từ danh mục	X

## - Tab Hóa đơn VAT

Thông tin hàng hóa **Hóa đơn VAT** Save (Ctrl-S)

NCC 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH

%VAT 10

Hình thức thanh toán CK

Ngày hóa đơn 2/1/2020

Ngày đáo hạn 2/1/2020

Mẫu hóa đơn 01GTKT2/004

Ký hiệu hóa đơn HP/19E

Số hóa đơn 00132394382

Tên khách hàng CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH

MST 4200240380

Địa chỉ 10B Nguyễn Thiện Thuật, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Người mua

Email

Tổng tiền hàng 60 000 000

Tiền thuế 6 000 000

Tổng tiền 66 000 000



Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	NCC	Nhà cung cấp	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
2	% VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
3	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán cho NCC	Mặc định là CK – chuyển khoản, có thể sửa	X
4	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
5	Ngày đáo hạn	Ngày hết hạn phải thanh toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
6	Mẫu hóa đơn	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
7	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
8	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Tên khách hàng	Tên đầy đủ của khách hàng in trên hóa đơn theo đăng ký với cơ quan thuế	Tham chiếu từ mã khách	X
10	MST	Mã số thuế của khách hàng	Tham chiếu từ mã khách	X
11	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã khách	X
12	Người mua	Người đại diện cho công ty mua hàng để ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
13	Email	Email của công ty để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
14	Tổng tiền hàng	Tổng cộng tiền hàng của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
15	Tiền thuế	Tổng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Copy từ tab Thông tin hàng hóa, có thể sửa	X
16	Tổng tiền	Tổng tiền sau thuế của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Copy từ tab Thông tin hàng hóa, có thể sửa	X

## 2. TP/MM.02 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA HÓA ĐƠN SAU

### 2.1. Mục đích quy trình

- Quy trình mô tả các bước nhập mua hàng hoá từ nhà cung cấp trong nước. Nhà cung cấp xuất hóa đơn sau cho một hoặc nhiều chuyến đã lấy hàng.

### 2.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 2.2.1. Hướng dẫn thực hiện **Bước 1: Tạo đơn mua hàng (DPO)**

##### 2.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã ký kết hợp đồng với nhà cung cấp

##### 2.2.1.2. Đường dẫn

- Logictics → Mua nội địa → Đơn mua hàng nội địa (DPO)

##### 2.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPO** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hiệu lực	Ngày có hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
3	Phương thức nhập	Lựa chọn phương thức nhập: Hóa đơn sau	Chọn từ danh mục	X
4	Số tham chiếu	Số hợp đồng, mã hợp đồng	Nhập thủ công	
5	Ngày tham chiếu	Ngày ký kết hợp đồng	Nhập thủ công	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
6	Hình thức mua hàng	FOB/CIF/CFR	Chọn từ danh mục	X
7	Loại hình vận tải	Hình thức vận tải	Mặc định là 3 – Xe bồn, có thể sửa	X
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Chọn từ danh mục	X
2	Đơn vị nhận hàng	Chỉ định đơn hàng sử dụng cho đơn vị nào	Chọn từ danh mục, cho phép tìm kiếm	X
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
4	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Chọn từ danh mục	X
5	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
6	Số lượng	Tổng lượng của đơn mua hàng	Nhập thủ công	X

## 2.2.2. Hướng dẫn thực hiện **Bước 2: Nhập hàng (DPR)**

### 2.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Đã Tạo đơn hàng DPO trên hệ thống

### 2.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hàng hóa đơn sau (DPR)

### 2.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPR** hoặc theo đường dẫn trên

**Nhập hàng hóa/Hóa đơn sau**

Chứng từ tham chiếu **DPO.15**

Ngày nhập hàng 25/12/2019 13:21 Ngày lấy số đơn hàng

Ghi chú

**Thông tin hàng hóa** Thông tin lên bản Vận tải Hạo hụt Save (Ctrl-S)

Nhà cung cấp	Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Giá trước thuế	VAT%	Giá sau thuế
100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	200 - Nguồn	100 000	14 500	10	15 950.00
2						10	
3						10	

Nhiệt độ	D15	VCF	WCF	LTT	L15	KG	Tiền hàng hóa	Tổng tiền	Kho
							1 450 000 000	1 595 000 000	
30	7890	0.9857	0.7879	100 000	98 570	78 790	1 450 000 000	1 595 000 000	100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng T
				0	0	0			
				0	0	0			

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Số tham chiếu	Chỉ định tham chiếu tới hóa đơn trước	Nhập/tìm kiếm	X
2	Ngày nhập hàng	Ngày nhập hàng trên hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
3	Ngày lấy đơn hàng	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
4	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Copy từ Đơn mua hàng nội địa (DPO) <i>Chỉ hiển thị</i>	X
2	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ Đơn mua hàng nội địa (DPO) <i>Chỉ hiển thị</i>	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ Đơn mua hàng nội địa (DPO) <i>Chỉ hiển thị</i>	X
4	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
5	Số lượng	Lượng hàng nhập kho	Copy từ Đơn mua hàng nội địa DPO Có thể sửa (Đảm bảo nhỏ hơn lượng trên DPO)	X
6	Giá trước thuế	Đơn giá mua trước thuế	Nhập thủ công hoặc Tự tính khi nhập giá sau thuế = Giá sau thuế / (1+VAT)	X
7	VAT%	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
8	Giá sau thuế	Đơn giá sau thuế	Nhập thủ công hoặc Tự tính khi nhập giá trước thuế = Giá sau thuế / (1+VAT)	X
9	Nhiệt độ	Nhiệt độ thực tế khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
10	D15	Tỷ trọng thực tế khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
11	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
12	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
13	LTT	Số lượng xuất kho theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	XX
14	L15	Số lượng xuất kho theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	X
15	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = L15 * WCF	X
16	Tiền hàng hóa	Tổng tiền hàng chưa có thuế	Hệ thống tự tính	X
17	Tổng tiền	Tổng tiền hàng đã có thuế	Hệ thống tự tính	X
18	Kho Nhập	Kho thực tế nhập hàng	Chọn từ danh mục	X

- **Tab Thông tin lên bồn:** Sau khi nhập đầy đủ các thông tin hàng hóa ta sẽ nhập thông tin lên bồn (Thông tin ảnh hưởng tới hàng tồn kho)

Thông tin hàng hóa		Thông tin lên bồn	Vận tải	Hao hụt	Save (Ctrl-S)					
Nhà cung cấp 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH										
	Hàng hóa	UOM	SL	Nhiệt độ	Tỷ trọng	VCF	WCF	LTT	L15	KG
[Copy from Thông tin hàng hóa]										
1 >>	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	100 000	30	7890	0.9857	0.7879	100 000	98 570	78 790X
2 >>										X
3 >>										X

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	X
2	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
3	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	X
5	Số lượng	Số lượng trong thông tin hàng hóa	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	X
6	Nhiệt độ	Nhiệt độ thực tế khi xuất hàng	Nhập thủ công	
7	D15	Tỷ trọng thực tế khi xuất hàng	Nhập thủ công	
8	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
9	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
10	LTT	Số lượng xuất kho theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	
11	L15	Số lượng xuất kho theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	
12	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = LTT * WCF	

- **Tab Vận tải:** Nếu có theo dõi thông tin vận tải → nhập thêm thông tin chi tiết

Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	LTT	L15	KG	% HH	Tuyến đường
0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	100 000	98 570	78 790	21		

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp vận tải	Mã nhà cung cấp	Nhập thủ công	
2	Số phương tiện	Số phương tiện thực hiện vận tải	Nhập thủ công	
3	Ngày bắt đầu VC	Ngày thực tế bắt đầu vận tải	Nhập thủ công	
4	Ngày kết thúc VC	Ngày kết thúc vận tải	Nhập thủ công	
5	Hàng hóa	Mặt hàng thực xuất	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
6	ĐVT	Đơn vị nhập kho	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
7	Số lượng	Số lượng theo ĐVT	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
8	LTT	Số lượng theo LTT	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
9	L15	Số lượng theo L15	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
10	KG	Số lượng theo KG	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	
11	% HH	Tỷ lệ hao hụt được hưởng	Nhập thủ công	
12	Tuyến đường	Tuyến đường vận chuyển	Chọn từ danh mục	

- **Tab Hao hụt:** Tab thông tin hao hụt hệ thống tự động tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn

Ghi chú	Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	LTT	L15	KG	Kho
1 »	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter 200 - Ngu		0	2 000	1 971	1 576	100.HH00 - Kho thủ tục vận phòng T
2 »								
3 »								

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
2	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
3	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
4	Số lượng	Số lượng trong thông tin hàng hóa	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
5	LTT	Số lượng LTT thực tế hao hụt	Tự tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn	
6	L15	Số lượng L15 thực tế hao hụt	Tự tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn	
7	KG	Số lượng KG thực tế hao hụt	Tự tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn	

### 2.2.3. Hướng dẫn thực hiện **Bước 3: Nhập hóa đơn NCC (DPX)**

#### 2.2.3.1. Điều kiện thực hiện

- Đã thực hiện nhập hàng trên hệ thống
- Đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp

#### 2.2.3.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hóa đơn sau (DPX)

#### 2.2.3.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPX** hoặc theo đường dẫn trên

**Nhập hóa đơn nhà cung cấp**

Ngày chứng từ: 25/12/2019 13:31

Ngày lấy số PR/PO:  Lọc ngày nhập hàng

Ghi chú:

**Thông tin hàng hóa** | Thông tin hóa đơn | Save (Ctrl-S)

Nhà cung cấp: 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH  Ghi chú:

	Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Giá trước thuế	VAT%	Tiền hàng hóa	Tổng tiền
1 >>	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter 200 - Nguồn		100 000	14 500.0000	10.00	1 450 000 000	1 595 000 000
2 >>						10		x



Nhập mã số NCC hoặc tên NCC vào trường thông tin **Nhà cung cấp** → Hệ thống sẽ liệt kê tất cả các chứng từ nhập hàng (DPR) chưa được viết hóa đơn tính đến thời điểm “Ngày lấy số PR/PO”

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày chứng từ	Ngày hạch toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày lấy số PR/PO	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Nhập thủ công	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
3	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ DPR <i>Chỉ hiển thị</i>	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ DPR <i>Chỉ hiển thị</i>	X
5	Nguồn hàng	Nguồn hàng ở chứng từ nhập hàng	Copy từ DPR <i>Chỉ hiển thị</i>	X
6	Số lượng	Lượng hàng viết hóa đơn	Copy lượng trên DPR, có thể sửa tương ứng với hóa đơn NCC thực tế xuất	X
7	Giá trước thuế	Đơn giá trước thuế	Nhập thủ công hoặc Tự tính khi nhập giá sau thuế $= \text{Giá sau thuế} / (1 + \text{VAT})$	X
8	VAT (%)	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
9	Giá sau thuế	Đơn giá sau thuế	Nhập thủ công hoặc = Giá trước thuế * (1 + VAT) khi nhập giá trước thuế	X
10	Tiền hàng	Tổng tiền hàng chưa có thuế	= Số lượng * Giá trước thuế	X
11	Tổng tiền	Tổng tiền hàng đã có thuế	= Số lượng * Giá sau thuế	X

## - Tab Thông tin hóa đơn:

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Tự động copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
2	% VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Tự động copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
3	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán cho NCC	Mặc định là CK – chuyển khoản, có thể sửa	X
4	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
5	Ngày đáo hạn	Ngày hết hạn phải thanh toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
6	Mẫu hóa đơn	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
7	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
8	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Tên khách hàng	Tên đầy đủ của NCC in trên hóa đơn theo đăng ký với cơ quan thuế	Tham chiếu từ mã khách hàng	X
10	MST	Mã số thuế của khách hàng	Tham chiếu từ mã khách hàng	X
11	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã khách hàng	X
12	Người mua	Người đại diện cho công ty mua hàng để ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
13	Email	Email của công ty để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
14	Tổng tiền hàng	Tổng cộng tiền hàng của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Copy từ tab thông tin hàng hóa	X
15	Tiền thuế	Tổng cộng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Copy từ tab thông tin hàng hóa	X

### 3. TP/MM.03 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA HÓA ĐƠN TRƯỚC

#### 3.1. Mục đích quy trình

- Quy trình mô tả các bước nhập mua hàng hoá từ nhà cung cấp trong nước. Nhà cung cấp xuất hóa đơn trước ghi nhận công nợ với PTC.
- PTC gửi Hàng gửi tại NCC và lấy hàng dần

#### 3.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

##### 3.2.1. Hướng dẫn thực hiện Bước 1: Tạo đơn mua hàng (DPO)

###### 3.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã ký kết hợp đồng với nhà cung cấp

###### 3.2.1.2. Đường dẫn

- Logictics → Mua nội địa → Đơn mua hàng nội địa (DPO)

###### 3.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPO** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hiệu lực	Ngày có hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
3	Phương thức nhập	Lựa chọn phương thức nhập: Hóa đơn trước	Chọn từ danh mục	X
4	Số tham chiếu	Số hợp đồng, mã hợp đồng	Nhập thủ công	
5	Ngày tham chiếu	Ngày ký kết hợp đồng	Nhập thủ công	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
6	Hình thức mua hàng	FOB/CIF/CFR	Chọn từ danh mục	X
7	Loại hình vận tải	Hình thức vận tải	Mặc định là 3 – Xe bồn, có thể sửa	X
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Chọn từ danh mục	X
2	Đơn vị nhận hàng	Chỉ định đơn hàng sử dụng cho đơn vị nào	Chọn từ danh mục, cho phép tìm kiếm	X
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
4	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Chọn từ danh mục	X
5	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
6	Số lượng	Tổng lượng của đơn mua hàng	Nhập thủ công	X

### 3.2.2. Hướng dẫn thực hiện **Bước 2: Nhập hóa đơn NCC (DPRX1)**

#### 3.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Căn cứ vào hóa đơn nhà cung cấp xuất

#### 3.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hóa đơn trước (DPRX1)

#### 3.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPRX1** hoặc theo đường dẫn trên:

**Nhập hóa đơn mua hàng nội địa/Hóa đơn trước**

Chứng từ tham chiếu: DPO.16

Ngày chứng từ: 25/12/2019 15:56 | Ngày lấy đơn hàng: [ ]

Ghi chú: [ ]

Thông tin hàng hóa | Hóa đơn VAT | Save (Ctrl-S)

Nhà cung cấp: 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH | Ghi chú: [ ]

	Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Giá trước thuế	VAT%	Tiền hàng hóa	Tổng tiền
							1 450 000 000	1 595 000 000
1 >>	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	200 - Nguồn	100 000	14 500	10	1 450 000 000	1 595 000 000
2 >>						10		

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Chứng từ tham chiếu	Số chứng từ tham chiếu	Nhập trực tiếp/ Tìm kiếm	X
2	Ngày chứng từ	Ngày ghi nhận hóa đơn trên hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
3	Ngày lấy đơn hàng	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
4	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Copy từ DPO <i>Chỉ hiển thị</i>	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
3	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ DPO <i>Chỉ hiển thị</i>	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ DPO <i>Chỉ hiển thị</i>	X
5	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
6	Số lượng	Lượng hàng viết hóa đơn	Copy lượng còn lại trên DPO, có thể sửa và chặn không cho nhập quá lượng còn tồn trên DPO	X
7	Giá trước thuế	Đơn giá trước thuế	Nhập thủ công	X
8	VAT (%)	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X
9	Tiền hàng	Tổng tiền hàng chưa có thuế	= Số lượng * Giá trước thuế	X
10	Tổng tiền	Tổng tiền hàng đã có thuế	Tính tự động	X

**- Tab Hóa đơn VAT:**

Thông tin hàng hóa		Hóa đơn VAT	Save (Ctrl-S)
NCC	100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH		Ghi chú
%VAT	10		
Hình thức thanh toán	CK		
Ngày hóa đơn	25/12/2019		
Ngày đáo hạn	25/12/2019		
Mẫu hóa đơn	01GTKT2/003		
Ký hiệu hóa đơn	HL/19E		
Số hóa đơn	0172480		
Tên khách hàng	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH		
MST	4200240380		
Địa chỉ	10B Nguyễn Thiện Thuật, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa		
Người mua			
Email			
Tổng tiền hàng	1 450 000 000		
Tiền thuế	145 000 000		
Tổng tiền	1 595 000 000		

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	NCC	Nhà cung cấp hàng hóa	Tự động copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
2	% VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Tự động copy từ tab Thông tin hàng hóa	X
3	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán cho NCC	Mặc định là CK – chuyển khoản, có thể sửa	X
4	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
5	Ngày đáo hạn	Ngày hết hạn phải thanh toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
6	Mẫu hóa đơn	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
7	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
8	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Tên khách hàng	Tên đầy đủ của khách hàng in trên hóa đơn theo đăng ký với cơ quan thuế	Tham chiếu từ mã khách	X
10	MST	Mã số thuế của khách hàng	Tham chiếu từ mã khách	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
11	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã khách	X
12	Người mua	Người đại diện cho khách hàng mua hàng để ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
13	Email	Email của khách hàng để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
14	Tổng tiền hàng	Tổng cộng tiền hàng của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Copy từ tab thông tin hàng hóa	X
15	Tiền thuế	Tổng cộng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Copy từ tab thông tin hàng hóa, có thể sửa	X
16	Tổng tiền	Tổng cộng tổng tiền sau thuế của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Copy từ tab thông tin hàng hóa, có thể sửa	X

### 3.2.3. Hướng dẫn thực hiện **Bước 3: Tạo giao dịch nhập hàng (DPR1)**

#### 3.2.3.1. Điều kiện thực hiện

- Đã tạo chứng từ Nhập hóa đơn trước trên hệ thống

#### 3.2.3.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hàng hóa đơn trước (DPR1)

#### 3.2.3.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DPR1** hoặc theo đường dẫn trên:

**Nhập hàng hóa/Hóa đơn trước**

Chứng từ tham chiếu DPRX1.2

Ngày nhập hàng 25/12/2019 16:00 Ngày lấy đơn hàng

Ghi chú

**Thông tin hàng hóa** Thông tin lên bản Vận tải Hao hụt Save (Ctrl-S)

Nhà cung cấp 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH Ghi chú

Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Giá trước thuế	VAT%	Giá sau thuế
1 >> 0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	200 - Nguồn	100 000	14 500.0000	10.00	15 950.00
2 >>					10	

Nhiệt độ	D15	VCF	WCF	LTT	L15	KG	Tiền hàng hóa	Tổng tiền	Kho
	30	7890	0.9857	0.7879	100 000	98 570	78 790	1 450 000 000	1 595 000 000
				0	0	0	0	0	100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng
				0	0	0	0	0	

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:



STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Số tham chiếu	Chỉ định tham chiếu tới hóa đơn trước	Nhập/tìm kiếm	X
2	Ngày nhập hàng	Ngày nhập hàng trên hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
3	Ngày lấy đơn hàng	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
4	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Chi tiết hàng hóa</b>				
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Copy từ DPRX1 <i>Chỉ hiển thị</i>	X
2	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ DPRX1	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ DPRX1	X
4	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Copy từ DPRX1	X
5	Số lượng	Lượng hàng nhập kho	Copy lượng còn tồn trên DPRX1, Có thể sửa (Đảm bảo nhỏ hơn lượng tồn trên DPRX1)	X
6	Giá trước thuế	Đơn giá mua chưa có thuế	Copy từ DPRX1	X
7	VAT%	Tỷ suất % thuế GTGT	Copy từ DPRX1	X
8	Giá sau thuế	Đơn giá sau thuế	Copy từ DPRX1	X
9	Nhiệt độ	Nhiệt độ thực tế khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
10	D15	Tỷ trọng thực tế khi nhập hàng	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
11	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
12	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
13	LTT	Số lượng nhập kho theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	X
14	L15	Số lượng nhập kho theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	X
15	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = L15 * WCF	X
16	Tiền hàng hóa	Tổng tiền hàng chưa thuế	Tự động tính lại theo trường Số lượng	X
17	Tổng tiền	Tổng tiền hàng đã có thuế	Tự động tính lại theo trường Số lượng	X
18	Kho Nhập	Kho thực tế nhập hàng	Chọn từ danh mục	X

- **Tab Thông tin lên bồn:** Sau khi nhập đầy đủ các thông tin hàng hóa ta sẽ nhập thông tin lên bồn (Thông tin ảnh hưởng tới hàng tồn kho):

STT	Hàng hóa	UOM	SL	Nhiệt độ	Tỷ trọng	VCF	WCF	LTT	L15	KG
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	100 000	30	7890	0.9857	0.7879	100 000	98 570	78 790 X
2										X

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp hàng hóa	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	X
2	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
3	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Thông tin hàng hóa	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
			<i>Chỉ hiển thị</i>	
4	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	X
5	Số lượng	Số lượng hàng nhập	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	X
6	Nhiệt độ	Nhiệt độ thực tế khi nhập	Nhập thủ công	
7	D15	Tỷ trọng thực tế khi nhập hàng	Nhập thủ công	
8	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
9	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
10	LTT	Số lượng nhập kho theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	
11	L15	Số lượng nhập kho theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	
12	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = LTT * WCF	

- **Tab Vận tải:** Nếu có theo dõi thông tin vận tải → Nhập thêm thông tin chi tiết

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Tab Vận tải</b>				
1	Nhà cung cấp vận tải	Nhà cung cấp vận tải	Nhập thủ công	
2	Số phương tiện	Số phương tiện thực hiện vận tải	Nhập thủ công	
3	Ngày bắt đầu VC	Ngày thực tế bắt đầu vận tải	Nhập thủ công	
4	Ngày kết thúc VC	Ngày kết thúc vận tải	Nhập thủ công	
5	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
6	ĐVT	Đơn vị nhập kho	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
7	Số lượng	Số lượng theo ĐVT	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
8	LTT	Số lượng theo LTT	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
9	L15	Số lượng theo L15	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
10	KG	Số lượng theo KG	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
11	% HH	Tỷ lệ hao hụt được hưởng	Nhập thủ công	
12	Tuyến đường	Tuyến đường vận chuyển	Chọn từ danh mục	

- **Tab Hao hụt:** Tab thông tin hao hụt hệ thống tự động tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn

Ghi chú							
Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	LTT	L15	KG	Kho
1 » 0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT	LTT - Liter 200 - Nguc	0	2 000	1 971	1 576	100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng
2 »							
3 »							

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
2	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
3	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
4	Số lượng	Số lượng trong thông tin hàng hóa	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
5	LTT	Số lượng LTT thực tế hao hụt	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
6	L15	Số lượng L15 thực tế hao hụt	Copy từ tab Thông tin hàng hóa <i>Chỉ hiển thị</i>	
7	KG	Số lượng KG thực tế hao hụt	Tự tính sau khi nhập 02 Tab Thông tin hàng hóa và Thông tin lên bồn	

#### 4. TP/MM.04 – QUY TRÌNH DI CHUYỂN NỘI BỘ CÙNG ĐƠN VỊ

##### 4.1. Mục đích quy trình

- Quy trình dùng để di chuyển hàng giữa các kho của PTC trong cùng một VPCTY/ chi nhánh.
- Dùng trong trường hợp khan hiếm hàng tại các kho cửa hàng, cần phải hút điều chuyển hàng hóa từ cửa hàng này sang cửa hàng khác.

##### 4.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

##### 4.2.1. Hướng dẫn thực hiện quy trình Xuất di chuyển hàng hóa (LTIO)

- Đường dẫn:  
Logistics → Giao dịch kho → Xuất di chuyển hàng hóa (LTIO)
- Hướng dẫn chi tiết  
Tab **Xuất di chuyển**

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày	Ngày di chuyển hàng hóa	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
3	Nguồn hàng	Nguồn hàng xuất di chuyển	Chọn trong danh mục	X
<b>Tab Xuất di chuyển</b>				
1	Hàng hóa	Mặt hàng di chuyển	Chọn trong danh mục	X
2	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn trong danh mục	X
3	Số lượng	Số lượng hàng di chuyển	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
4	LTT	Số lượng hàng di chuyển tính theo LTT	Nhập thủ công	X
5	L15	Số lượng hàng di chuyển tính theo LTT	Nhập thủ công	X
6	KG	Số lượng hàng di chuyển tính theo LTT	Nhập thủ công	X
7	Kho	Kho xuất di chuyển	Chọn trong danh mục	X

### Tab Nhập di chuyển

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày	Ngày di chuyển hàng hóa	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
3	Nguồn hàng	Nguồn hàng nhập di chuyển	Chọn trong danh mục	X
<b>Tab Nhập di chuyển</b>				
1	Hàng hóa	Mặt hàng di chuyển	Tự động Copy từ tab Xuất di chuyển	X
2	ĐVT	Đơn vị tính	Tự động Copy từ tab Xuất di chuyển	X
3	Số lượng	Số lượng hàng di chuyển	Tự động Copy từ tab	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
			<i>Xuất di chuyển</i>	
4	LTT	Số lượng hàng di chuyển tính theo LTT	Tự động Copy từ tab <i>Xuất di chuyển</i>	X
5	L15	Số lượng hàng di chuyển tính theo LTT	Tự động Copy từ tab <i>Xuất di chuyển</i>	X
6	KG	Số lượng hàng di chuyển tính theo LTT	Tự động Copy từ tab <i>Xuất di chuyển</i>	X
7	Kho xuất	Kho xuất di chuyển	Tự động Copy từ tab <i>Xuất di chuyển</i>	X
8	Kho nhập	Kho nhập di chuyển	Chọn trong danh mục	X



## 5. TP/MM.05 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI BỘ

### 5.1. Mục đích quy trình

- Quy trình được thực hiện khi Chi nhánh nhập mua hàng từ VPCTY hoặc nhập mua hàng từ một Chi nhánh khác trực thuộc TCTy.

### 5.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 5.2.1. Hướng dẫn thực hiện **Bước 1: Tạo giao dịch nhập hàng (PIR)**

##### 5.2.1.1. Điều kiện thực hiện

##### 5.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hàng hóa/ Mua nội bộ (PIR)

##### 5.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **PIR** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày nhập hàng	Ngày nhập hàng trên hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày lấy số đơn hàng	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ</b>				
1	Đơn vị bán hàng	Tên nhà cung cấp là Chi nhánh trực thuộc VPTCTy	Nhập thủ công	X
2	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
3	ĐVT	Đơn vị tính	Lựa chọn trong danh mục	X
4	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Lựa chọn trong danh mục	X
5	Số lượng	Lượng hàng nhập kho	Nhập thủ công	X
6	Giá trước thuế	Đơn giá mua trước thuế	Nhập thủ công hoặc Tự tính khi nhập giá sau thuế = Giá sau thuế / (1+VAT)	X
7	VAT%	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X
8	Giá sau thuế	Đơn giá mua sau thuế	Tự động tính toán sau khi nhập Giá trước thuế	X
9	Nhiệt độ	Nhiệt độ khi xuất hàng	Nhập thủ công	
10	D15	Tỷ trọng khi xuất hàng	Nhập thủ công	X
11	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
12	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
13	LTT	Số lượng nhập kho theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	X
14	L15	Số lượng nhập kho theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	X
15	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = L15 * WCF	X
16	Tiền hàng hóa	Tổng tiền chưa có thuế	Tự động tính lại theo trường Số lượng	X
17	Tổng tiền	Tổng tiền hàng đã có thuế	Tự động tính lại theo trường Số lượng	X
18	Kho	Kho thực tế nhập hàng	Chọn từ danh mục	X

**- Tab Thông tin lên bồn:**

Đơn vị bán hàng	Hàng hóa	UOM	SL	Nhiệt độ	Tỷ trọng	VCF	WCF	LTT	L15	KG
101 - Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Khánh Hòa	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	50 000	30	7890	0.9857	0.7879	48 000	47 314	37 819
2 »										
3 »										
4 »										
5 »										

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Đơn vị bán hàng	Tên nhà cung cấp là Chi nhánh trực thuộc VPTCTy	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ (Chỉ hiển thị)	X
2	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ (Chỉ hiển thị)	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ (Chỉ hiển thị)	X
4	Số lượng	Số lượng trong thông tin hàng hóa	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ (Chỉ hiển thị)	X
5	Nhiệt độ	Nhiệt độ khi nhập hàng	Nhập thủ công	
6	D15	Tỷ trọng khi nhập hàng	Nhập thủ công	
7	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
8	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
9	LTT	Số lượng LTT thực tế nhập kho	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	
10	L15	Số lượng L15 thực tế nhập kho	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	
11	KG	Số lượng KG thực tế nhập kho	Tự tính = LTT * WCF	

**- Tab Vận tải:** Nếu có theo dõi thông tin vận tải → Nhập thêm thông tin chi tiết

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp vận tải	Nhà cung cấp vận tải	Nhập thủ công	
2	Số phương tiện	Số phương tiện vận tải	Nhập thủ công	
3	Ngày bắt đầu VC	Ngày thực tế bắt đầu vận tải	Hệ thống mặc định ngày hiện tại	
4	Ngày kết thúc VC	Ngày kết thúc vận tải	Hệ thống mặc định ngày hiện tại	
5	Hàng hóa	Mặt hàng thực xuất	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
6	ĐVT	Đơn vị nhập kho	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
7	Số lượng	Số lượng theo ĐVT	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
8	LTT	Số lượng theo LTT	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
9	L15	Số lượng theo L15	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
10	KG	Số lượng theo KG	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
11	% HH	Tỷ lệ hao hụt được hưởng	Nhập thủ công	
12	Tuyến đường	Tuyến đường vận chuyển	Chọn từ danh mục	

- **Tab Hao hụt:** Tab thông tin hao hụt hệ thống tự động tính sau khi nhập thông tin 02 tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ và Thông tin lên bồn.

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
2	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
2	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
5	Số lượng	Số lượng trong thông tin hàng hóa	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
10	LTT	Số lượng LTT thực tế hao hụt	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
11	L15	Số lượng L15 thực tế hao hụt	Copy từ tab Nhập hàng hóa/Mua nội bộ ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
12	KG	Số lượng KG thực tế hao hụt	Copy từ tab Nhập hàng hóa/ Mua nội bộ	

## 5.2.2. Hướng dẫn thực hiện **Bước 2: Tạo giao dịch nhập hóa đơn (PIX)**

### 5.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Đã tạo giao dịch nhập hàng trên hệ thống
- Đã nhận được hóa đơn từ Cty/ chi nhánh bán hàng

### 5.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hóa đơn/ Mua nội bộ (PIX)

### 5.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **PIX** hoặc theo đường dẫn trên

**Nhập hóa đơn/Mua nội bộ**

Ngày chứng từ: 26/12/2019 10:18 Lọc ngày nhập hàng

Ngày lấy số PR/PO:

Ghi chú:

**Chi tiết hàng hóa** | Thông tin hóa đơn | Save (Ctrl-S)

Đơn vị bán hàng: 101 - Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Khánh Hòa | Ghi chú:

STT	Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Giá trước thuế	VAT%	Tiền hàng hóa	Tổng tiền
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter 200 - Nguồn		50 000	14 500.0000	10.00	725 000 000	797 500 000
2						10		

Tại màn hình nhập hóa đơn/Mua nội bộ, người dùng thực hiện nhập mã số hoặc tên Chi nhánh thực hiện bán hàng cho đơn vị mình vào trường thông tin “Đơn vị bán hàng”, hệ thống sẽ tự động lấy dữ liệu về lượng hàng đã nhập trước đó lên Tab Chi tiết hàng hóa.

Sau đó, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày chứng từ	Ngày hạch toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày lấy số PR/PO	Ngày để tham chiếu thông tin đơn hàng	Nhập thủ công	
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
<b>Tab Chi tiết hàng hóa</b>				
1	Đơn vị bán hàng	NCC là Chi nhánh trực thuộc VPTCTy	Nhập thủ công	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
3	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ PIR (Chỉ hiển thị)	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ PIR (Chỉ hiển thị)	X
5	Nguồn hàng	Nguồn hàng ở chứng từ nhập hàng	Copy từ PIR (Chỉ hiển thị)	X
6	Số lượng	Lượng hàng viết hóa đơn	Copy từ PIR	X
7	Giá trước thuế	Đơn giá trước thuế	Copy từ PIR	X
8	VAT (%)	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
9	Giá sau thuế	Đơn giá sau thuế	Copy từ PIR	X
10	Tiền hàng	Giá trị tiền hàng hóa	Copy từ PIR	
11	Tổng tiền	Tổng tiền hàng bao gồm cả thuế	Copy từ PIR	

**- Tab Thông tin hóa đơn**

Chi tiết hàng hóa **Thông tin hóa đơn** Save (Ctrl-S) [Icons]

NCC 101 - Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Khánh Hòa  
 Ghi chú

%VAT 10  
 Hình thức thanh toán CK  
 Ngày hóa đơn 26/12/2019  
 Ngày đáo hạn 26/12/2019  
 Mẫu hóa đơn 01GTKT2/003  
 Ký hiệu hóa đơn HL/19E  
 Số hóa đơn 0172488  
 Tên khách hàng Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Khánh Hòa  
 MST 0108005532-001  
 Địa chỉ Số 01, Đường Tự Do, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa  
 Người mua  
 Email  
 Tổng tiền hàng 725 000 000  
 Tiền thuế 72 500 000  
 Tổng tiền 797 500 000

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	NCC	Nhà cung cấp hàng hóa	Tự động copy từ tab Chi tiết hàng hóa	X
2	%VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Tự động copy từ tab Chi tiết hàng hóa	X
3	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán cho NCC	Mặc định là CK – chuyển khoản, có thể sửa	X
4	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
5	Ngày đáo hạn	Ngày hết hạn phải thanh toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
6	Mẫu hóa đơn	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
7	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
8	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Tên khách hàng	Tên đầy đủ của khách hàng in trên hóa đơn theo đăng ký với cơ quan thuế	Tham chiếu từ mã khách	X
10	MST	Mã số thuế của khách hàng	Tham chiếu từ mã khách	X
11	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã khách	X
12	Người mua	Người đại diện cho khách hàng mua hàng để ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
13	Email	Email của khách hàng để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
14	Tổng tiền hàng	Tổng cộng tiền hàng của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Copy từ tab Chi tiết hàng hóa	X
15	Tiền thuế	Tổng cộng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Copy từ tab Chi tiết hàng hóa, có thể sửa	X
16	Tổng tiền	Tổng tiền sau thuế của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Copy từ tab Chi tiết hàng hóa, có thể sửa	X



## 6. TP/MM.06 – QUY TRÌNH NHẬN VÀ TRẢ HÀNG GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

### 6.1. Mục đích quy trình

- Quy trình áp dụng cho nghiệp vụ khách hàng mua hàng gửi lại kho của PTC và khách hàng mang hàng đến kho để gửi.
- Quy trình áp dụng cho khách mua hàng gửi lại hàng và lấy hàng gửi khi có yêu cầu.

### 6.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 6.2.1. Hướng dẫn thực hiện **Bước 1: Tạo giao dịch nhập hàng gửi (K2QP)**

##### 6.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Khách hàng có hợp đồng hàng gửi

##### 6.2.1.2. Đường dẫn

- Logictics → Bán hàng → Nhập hàng gửi (K2QP)

##### 6.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **K2QP** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ , ngày ghi giảm số lượng hàng tồn kho nguồn hàng gửi khách hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Số bản cứng	Nhập số bản cứng (nếu có)	Nhập thủ công	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Tab Thông tin hàng hóa</b>				
1	Khách hàng	Khách hàng có hợp đồng hàng gửi	Chọn từ danh mục	X
2	Hàng hóa	Mặt hàng thực xuất Chỉ hiển thị	Chọn từ danh mục	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
4	Số lượng	Số lượng hàng gửi theo đơn vị tính giao dịch	Nhập thủ công	X
5	LTT	Số lượng hàng gửi theo đơn vị tính lít thực tế	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) Hoặc Nhập thủ công	X
6	L15	Số lượng hàng gửi của khách theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) Hoặc Nhập thủ công	X
7	KG	Số lượng hàng gửi của khách theo KG	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là KG) Hoặc Nhập thủ công	X
8	Lô hàng	Lô hàng nhập	Chọn từ danh mục	
9	Kho khách	Kho nhận hàng của khách hàng	Chọn từ danh mục	
10	Kho hàng	Kho thực tế chứa hàng gửi của khách	Chọn từ danh mục	X

### 6.2.2. Hướng dẫn thực hiện **Bước 2: Tạo lệnh xuất trả hàng gửi (SOA)**

#### 6.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Đã có hàng gửi và nhập vào phần mềm

#### 6.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Bán hàng → Lệnh xuất hàng (SOA)

#### 6.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **SOA** hoặc theo đường dẫn trên

**Lệnh xuất hàng**

Hóa đơn trước:  Số tham chiếu:  Phương thức xuất: 4 - Xuất hàng gửi

thức giao nhận: FOB  Chuyển hàng đi đường: 1-Không chuyển

Ngày hiệu lực: 25/12/2019 14:31  Ngày hết hạn:

**Hàng hóa**

Khách hàng: 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH

	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng (giao dịch)	Số lượng (Lít TT)	Lô hàng	Nguồn hàng	Khách nhận
1	» 0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Lite	20 000	20 000		200 - Ngu	100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU
2	»						

Điểm giao	Loại p/tiền	Số p/tiền	Người nhận	Diễn giải	ĐV xuất	RefNo	Kho xuất
	Xe bồn	29KT-010.48			100		100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng T
					100		100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng T

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Hóa đơn trước	Tham chiếu đến hóa đơn; chỉ chọn khi xuất hàng theo hóa đơn đã được xuất trước	Chọn trong danh mục hoặc Nhập thủ công	
2	Số tham chiếu	Số tham chiếu, có thể tham chiếu đến kế hoạch xuất hàng	Nhập thủ công	
3	Phương thức xuất	Chọn phương thức xuất: Xuất hàng gửi	Chọn trong danh mục	X
4	Ngày hiệu lực	Ngày bắt đầu hiệu lực của lệnh xuất hàng	Nhập thủ công	X
5	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn của lệnh xuất hàng	Nhập thủ công	
6	Khách hàng	Khách nhận lại hàng gửi		X
7	Hàng hóa	Tên mặt hàng xuất kho	Chọn trong danh mục	X
8	ĐVT	Đơn vị tính cho số lượng giao dịch	Chọn trong danh mục	X
9	Số lượng (giao dịch)	Số lượng giao dịch theo đơn vị tính đã chọn	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
10	Số lượng (LTT)	Số lượng tính theo đơn vị lít thực tế	Nhập thủ công	X
11	Lô hàng		Chọn trong danh mục	
12	Nguồn hàng	Nguồn hàng gửi	Mặc định	X
13	Khách nhận	Khách nhận lại hàng gửi	Mặc định là khách hàng	X
14	Điểm giao	Địa điểm giao hàng	Chọn trong danh mục	
15	Loại phương tiện	Loại phương tiện chở hàng	Chọn trong danh mục	
16	Số phương tiện	Số phương tiện chở hàng	Chọn trong danh mục	
17	Người nhận	Tên người nhận hàng	Nhập thủ công	
18	Diễn giải	Thông tin diễn giải	Nhập thủ công	
19	Đơn vị xuất	Đơn vị xuất hàng, mặc định là company code của người dùng	Mặc định	X
20	Ref.No	Số tham chiếu		
21	Kho xuất	Kho xuất hàng	Chọn trong danh mục	X

### 6.2.3. Hướng dẫn thực hiện **Bước 3: Chứng từ xuất kho (DOP)**

#### 6.2.3.1. Điều kiện thực hiện

- Đã tạo lệnh xuất hàng và lệnh xuất còn hiệu lực

#### 6.2.3.2. Đường dẫn

- Logistics → Bán hàng → Chứng từ xuất kho (DOP)

#### 6.2.3.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **DOP** hoặc theo đường dẫn trên

**Chứng từ xuất kho**

Số tham chiếu: **SOA.15** Phương thức xuất: 4 - Xuất hàng gửi H/t giao nhận: FOB \*\*\*

Ngày chứng từ: 25/12/2019 14:40

Ghi chú

**Xuất kho** Văn tải Giao nhận Save (Ctrl-S)

Khách hàng: 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH

Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Nhiệt độ	D15 (x10.000)	VCF	WCF	LTT	L15	KG	Khách nhận
1 0201004 - Xăng E5 RON 9	LTT	20 000.00	30	7890	0.9857	0.7879	20 000.00	19 714.00	15 532.66	100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU
2										

Điểm giao	Loại p.tiền	%H.hụt	Lô hàng	Nguồn hàng	RefNo	Kho xuất
	01-Xe bồn	0		300	SOA.15	100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng T
		0				

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Số tham chiếu	Tham chiếu đến lệnh xuất di chuyển	Nhập/tìm kiếm	X
2	Ngày chứng từ	Ngày hạch toán chứng từ vào hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
3	Phương thức xuất	Phương thức xuất hàng của lệnh xuất	Tự động lấy thông tin lệnh xuất hàng	X
<b>Tab Xuất kho</b>				
1	Khách hàng	Tên khách hàng	Copy từ SOA (Chỉ hiển thị)	X
2	Hàng hóa	Mặt hàng giao dịch	Copy từ SOA (Chỉ hiển thị)	X
3	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ SOA (Chỉ hiển thị)	X
4	Số lượng	Số lượng xuất	Copy từ SOA (Chỉ hiển thị)	X
5	Nhiệt độ	Nhiệt độ khi xuất hàng	Nhập thủ công	X
6	D15	Tỷ trọng khi xuất hàng	Nhập thủ công	X
7	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X
8	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
9	LTT	Số lượng xuất kho theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	X
10	L15	Số lượng xuất kho theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF	X
11	KG	Số lượng nhập kho theo KG	Tự tính = LTT * WCF	X
12	Khách nhận	Khách nhận hàng	Copy từ SOA	
13	Điểm giao	Điểm giao hàng	Chọn trong danh mục	
14	Loại phương tiện	Loại phương tiện chở hàng	Chọn trong danh mục	
15	% hao hụt	Tỷ lệ hao hụt định mức	Nhập thủ công	
16	Lô hàng	Lô hàng	Lấy từ lệnh xuất hàng <i>Chỉ hiển thị</i>	
17	Nguồn hàng	Nguồn hàng xuất di chuyển	Lấy từ lệnh xuất hàng <i>Chỉ hiển thị</i>	X
18	Ref.No	Lệnh xuất hàng tham chiếu	Lấy từ lệnh xuất hàng <i>Chỉ hiển thị</i>	X
19	Kho xuất	Kho thực tế xuất hàng	Copy từ SOA	X

- **Tab Vận tải:** Trong trường hợp có thực hiện theo dõi vận tải hàng hóa người dùng nhập thêm thông tin

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Khách hàng	Khách hàng	Copy từ SOA ((Chỉ hiển thị)	
2	Số phương tiện	Số phương tiện vận tải	Chọn từ danh mục	
3	Đơn vị vận tải	Nhà cung cấp vận tải	Chọn từ danh mục	
4	Người nhận	Điền tên người nhận hàng	Nhập thủ công	
5	Số niêm chì	Số niêm chì theo bản cứng	Nhập thủ công	
6	Hàng hóa	Mặt hàng thực xuất	Chọn từ danh mục	
7	Ngăn số	Số ngăn trên phương tiện	Nhập thủ công	
8	LTT	Số lượng xuất theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF	
9	Nhiệt độ	Nhiệt độ khi xuất hàng	Nhập thủ công	
10	D15	Tỷ trọng tại 15°C	Nhập thủ công	
11	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
12	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
13	L15	Số lượng xuất theo L15	= LTT * VCF	
14	KG	Số lượng xuất theo KG	= LTT * WCF	
15	Điểm giao	Điểm giao hàng	Chọn từ danh mục	
16	Tầm mức	Tầm mức	Nhập thủ công	

- **Tab Giao nhận:**

STT	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Nhiệt độ	D15	VCF	WCF	LTT	L15	KG	Lô hàng	Người nhận	
1	0201004 - Xăng E5 RON 95	LTT	20 000.00	30	7890	0.9857	0.7879	20 000.00	19 714.00	15 532.66		300	100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng T
2													
3													

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Khách hàng	Khách hàng	Copy từ SOA ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
2	Hàng hóa	Mặt hàng thực xuất	Copy từ SOA ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
3	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ SOA ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
4	Số lượng	Số lượng xuất	Copy từ SOA	
5	Nhiệt độ	Nhiệt độ thực tế khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
6	D15	Tỷ trọng thực tế khi nhập hàng	Nhập thủ công	X
7	VCF	Hệ số chuyển đổi thể tích	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
8	WCF	Hệ số chuyển đổi số lượng	Tự động tính toán theo phương pháp nội suy	
9	LTT	Số lượng nhập kho theo LTT	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là LTT) + = L15 / VCF Có thể sửa	X
10	L15	Số lượng nhập kho theo L15	Tự động: + = Số lượng (nếu ĐVT là L15) + = LTT * VCF Có thể sửa	X
11	KG	Số lượng xuất kho theo KG	Tự tính = LTT * WCF	X
12	Lô hàng	Chỉ định việc xuất hàng thuộc lô hàng nào	Copy từ SOA ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
13	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Copy từ SOA ( <i>Chỉ hiển thị</i> )	
14	Kho nhập	Kho nhập hàng	Copy từ SOA	X



## 7. TP/MM.07 – QUY TRÌNH KIỂM KÊ HÀNG HÓA

### 7.1. Mục đích quy trình

- Quy trình được sử dụng để ghi nhận số lượng thực tế khi kiểm kê hàng hoá.
- Kiểm kê có thể thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu kiểm kê.
- Trước khi thực hiện kiểm kê hàng hóa cần thực hiện xuất hao hụt định mức trên hệ thống.

### 7.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 7.2.1. Hướng dẫn thực hiện Tạo giao dịch nhập thừa kiểm kê (A4)

##### 7.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã thực hiện kiểm kê thực tế và có số liệu sổ sách trên hệ thống

##### 7.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Giao dịch kho → Nhập thừa kiểm kê (A4)

##### 7.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào Tcode **A4** hoặc đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hạch toán	Ngày hạch toán chứng từ vào hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày kiểm kê	Ngày thực tế kiểm kê hàng hóa	Mặc định cuối ngày hiện tại, có thể sửa	
3	Số tham thiếu	Số biên bản kiểm kê	Nhập thủ công	
<b>Tab Nhập thừa kiểm kê</b>				
1	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
2	Nguồn hàng	Nguồn hàng thực hiện kiểm kê	Chọn từ danh mục	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
3	Hàng hóa	Hàng hóa kiểm kê	Chọn từ danh mục	X
4	ĐVT	Đơn vị tính kiểm kê	Chọn từ danh mục	X
5	Tồn số sách	Số lượng số sách	Nhập thủ công	X
6	Tồn thực tế	Số lượng thực tế	Nhập thủ công	X
7	Số lượng nhập thừa	= Tồn thực tế - Tồn số sách	Hệ thống tự tính	X
8	LTT	Số lượng nhập thừa theo LTT	Nhập thủ công	X
9	L15	Số lượng nhập thừa theo L15	Nhập thủ công	X
10	KG	Số lượng nhập thừa theo KG	Nhập thủ công	X
11	Giá trị	Giá trị nhập thừa	Nhập thủ công	X
12	Kho	Kho nhập	Chọn từ danh mục	X

## 7.2.2. Hướng dẫn thực hiện **Tạo giao dịch xuất thiếu kiểm kê (A2)**

### 7.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Đã thực hiện kiểm kê thực tế và có số lượng số sách

### 7.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Giao dịch kho → Xuất thiếu kiểm kê (A2)

### 7.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào Tcode **A2** hoặc đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hạch toán	Ngày hạch toán chứng từ vào hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Ngày kiểm kê	Ngày thực tế kiểm kê hàng hóa	Mặc định cuối ngày hiện tại, có thể sửa	
3	Số tham thiếu	Số biên bản kiểm kê	Nhập thủ công	
<b>Tab Xuất thiếu kiểm kê</b>				
1	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
2	Nguồn hàng	Nguồn hàng thực hiện kiểm kê	Chọn từ danh mục	X
3	Hàng hóa	Hàng hóa kiểm kê	Chọn từ danh mục	X
4	ĐVT	Đơn vị tính kiểm kê	Chọn từ danh mục	X
5	Tồn sổ sách	Số lượng sổ sách	Nhập thủ công	X
6	Tồn thực tế	Số lượng thực tế	Nhập thủ công	X
7	Số lượng xuất thiếu	= Tồn sổ sách - Tồn thực tế	Hệ thống tự tính	X
8	LTT	Số lượng xuất thiếu theo LTT	Nhập thủ công	X
9	L15	Số lượng xuất thiếu theo L15	Nhập thủ công	X
10	KG	Số lượng xuất thiếu theo KG	Nhập thủ công	X
11	Kho	Kho xuất	Chọn từ danh mục	X

## 8. TP/MM.08 – QUY TRÌNH NHẬP KHÁC, XUẤT KHÁC

### 8.1. Mục đích quy trình

- Quy trình sử dụng trong trường hợp VPCTy thực hiện nhập hoặc xuất các loại giao dịch khác trên hệ thống:
  - o Xuất hao hụt định mức
  - o Xuất chênh lệch nhiệt độ, tỷ trọng
  - o Xuất điều chỉnh tăng giảm hàng hóa,...

### 8.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 8.2.1. Hướng dẫn thực hiện Tạo giao dịch nhập khác (A7)

##### 8.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã có mã hàng hóa trên hệ thống

##### 8.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Giao dịch kho → Điều chỉnh bán hàng – Nhập thừa (A7)

##### 8.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bảng Tcode **A7** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hạch toán	Ngày hạch toán chứng từ vào hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
<b>Tab Nhập tăng hàng hóa</b>				
1	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
2	Nguồn hàng	Nguồn hàng thực hiện nhập khác	Chọn từ danh mục	X
3	Hàng hóa	Chỉ định mặt hàng thực hiện	Chọn từ danh mục	X
4	ĐVT	Đơn vị tính khi thực hiện nhập	Chọn từ danh mục	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
5	Số lượng	Số lượng thực hiện nhập khác	Nhập thủ công	X
6	Đơn Giá	Đơn giá hàng hóa	Nhập thủ công	X
8	LTT	Số lượng nhập thừa theo LTT	Nhập thủ công	X
9	L15	Số lượng nhập thừa theo L15	Nhập thủ công	X
10	KG	Số lượng nhập thừa theo KG	Nhập thủ công	X
11	Ghi chú	Thông tin thêm chi tiết cho từng mặt hàng	Nhập thủ công	X
12	Trị giá	= Số lượng * đơn giá	Tự động tính toán	X
13	Kho	Kho nhập	Chọn từ danh mục	X

## 8.2.2. Hướng dẫn thực hiện Tạo giao dịch xuất khác (A6)

### 8.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Đã có mã hàng hóa trên hệ thống

### 8.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Giao dịch kho → Điều chỉnh bán hàng – Xuất thiếu (A6)

### 8.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bảng Tcode **A6** hoặc theo đường dẫn trên:

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hạch toán	Ngày hạch toán chứng từ vào hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Tab Xuất giảm hàng hóa</b>				
1	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
2	Nguồn hàng	Nguồn hàng thực hiện xuất khác	Chọn từ danh mục	X
3	Hàng hóa	Chỉ định mặt hàng thực hiện	Chọn từ danh mục	X
4	ĐVT	Đơn vị tính khi thực hiện xuất	Chọn từ danh mục	X
5	Số lượng	Số lượng thực hiện xuất khác	Nhập thủ công	X
6	Đơn Giá	Đơn giá hàng hóa	Nhập thủ công	X
8	LTT	Số lượng xuất thiếu theo LTT	Nhập thủ công	X
9	L15	Số lượng xuất thiếu theo L15	Nhập thủ công	X
10	KG	Số lượng xuất thiếu theo KG	Nhập thủ công	X
11	Ghi chú	Thông tin thêm chi tiết cho từng mặt hàng	Nhập thủ công	X
12	Trị giá	= Số lượng * đơn giá	Tự động tính toán	X
13	Kho	Kho xuất	Chọn từ danh mục	X

## 9. TP/MM.13 – QUY TRÌNH XUẤT HAO HỤT ĐỊNH MỨC

### 9.1. Mục đích quy trình

- Quy trình sử dụng để ghi nhận lượng xuất hao hụt định mức.

### 9.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 9.2.1. Hướng dẫn thực hiện Tạo giao dịch xuất hao hụt định mức (A1)

##### 9.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã tính toán được lượng hao hụt định mức căn cứ vào các báo cáo nhập/xuất theo kho

##### 9.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Giao dịch kho → Xuất hao hụt định mức (A1)

##### 9.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào Tcode **A1** hoặc đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày hạch toán	Ngày hạch toán chứng từ vào hệ thống	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
<b>Tab Xuất hao hụt định mức</b>				
1	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
2	Nguồn hàng	Nguồn hàng thực hiện xuất hao hụt	Chọn từ danh mục	X
3	Hàng hóa	Hàng hóa xuất hao hụt	Chọn từ danh mục	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	
5	Số lượng	Số lượng xuất hao hụt	Nhập thủ công	X
6	LTT	Số lượng xuất hao hụt theo LTT	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
7	L15	Số lượng xuất hao hụt theo L15	Nhập thủ công	X
8	KG	Số lượng xuất hao hụt theo KG	Nhập thủ công	X
9	Kho	Kho xuất	Chọn từ danh mục	X



## 10. TP/VT.01 – QUY TRÌNH NHẬP MUA NỘI ĐỊA VẬT TƯ

### 10.1. Mục đích quy trình

- Quy trình dùng để VPTCTy thực hiện nhập các loại vật tư như săm lốp, bình điện,...

### 10.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 10.2.1. Hướng dẫn thực hiện Bước 1: Nhập kho vật tư (215).

##### 10.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã ký kết hợp đồng với nhà cung cấp.

##### 10.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Vật tư → Nhập mua vật tư (215)

##### 10.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **215** hoặc theo đường dẫn trên:

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày nhập	Ngày hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Số tham chiếu	Số hợp đồng, mã hợp đồng	Nhập thủ công	
<b>Tab Vật tư</b>				
1	Nhà cung cấp	Mã nhà cung cấp	Chọn từ danh mục	X
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
4	Vật tư	Mặt hàng giao dịch	Chọn từ danh mục	X
5	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
6	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
7	Số lượng	Tổng lượng của đơn mua hàng	Nhập thủ công	X
8	Giá trước thuế	Đơn giá trước thuế	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
9	VAT%	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X
10	Tiền hàng hóa	Tiền hàng hóa chưa bao gồm thuế	Tự tính sau khi nhập số lượng và giá trước thuế	X
11	Tổng tiền	Tiền hàng hóa đã bao gồm thuế	Hệ thống tự tính	X
12	Kho	Kho thực tế nhập hàng	Chọn trong danh mục	X

### 10.2.2. Hướng dẫn thực hiện **Bước 2: Nhập hóa đơn sau – Vật tư (215X)**

#### 10.2.2.1. Điều kiện thực hiện

- Đã thực hiện nhập hàng trên hệ thống
- Đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp

#### 10.2.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Vật tư → Nhập hóa đơn sau – Vật tư (215X)

#### 10.2.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **215X** hoặc theo đường dẫn trên

Người dùng thực hiện nhập mã số hoặc tên NCC vào trường thông tin NCC → Hệ thống sẽ liệt kê tất cả các chứng từ nhập hàng (215) chưa được viết hóa đơn tính đến thời điểm hiện tại.

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Thông tin chung</b>				
1	Ngày nhập	Ngày có hiệu lực của đơn mua hàng	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	X
2	Số tham chiếu	Số hợp đồng, mã hợp đồng	Nhập thủ công	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Tab Vật tư</b>				
1	Nhà cung cấp	Mã nhà cung cấp	Chọn từ danh mục	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
3	Vật tư	Mặt hàng giao dịch	Tự động copy từ 215 (Chỉ hiển thị)	X
4	ĐVT	Đơn vị tính	Tự động copy từ 215 (Chỉ hiển thị)	X
5	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Tự động copy từ 215 (Chỉ hiển thị)	X
6	Số lượng	Tổng lượng của đơn mua hàng	Tự động copy từ 215, có thể điều chỉnh theo số lượng thực tế trên hóa đơn NCC	X
7	Giá trước thuế	Đơn giá chưa bao gồm thuế	Tự động copy từ 215	X
8	VAT%	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X
9	Tiền hàng hóa	Tiền hàng hóa trước thuế	Tự động copy từ 215	X
10	Tổng tiền	Tiền hàng hóa đã bao gồm thuế	Hệ thống tự tính	X

- **Tab Hóa đơn VAT:** Sau khi nhập xong thông tin vật tư, người dùng chuyển sang tab Hóa đơn VAT để nhập thông tin cho hóa đơn mua hàng.

The screenshot shows the 'Hóa đơn VAT' form with the following data:

%VAT	10
Hình thức thanh toán	CK
Ngày hóa đơn	26/12/2019
Ngày đáo hạn	26/12/2019
Mẫu hóa đơn	01GTKT2/003
Ký hiệu hóa đơn	HL/19E
Số hóa đơn	0172420
Tên khách hàng	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH
MST	4200240380
Địa chỉ	10B Nguyễn Thiện Thuật, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Người mua	
Email	
Tổng tiền hàng	7 000 000
Tiền thuế	700 000
Tổng tiền	7 700 000

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp vật tư	Tự động copy từ tab Vật tư	X
2	% VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Tự động copy từ tab Vật tư	X
3	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán cho NCC	Mặc định là CK – chuyển khoản, có thể sửa	X
4	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
5	Ngày đáo hạn	Ngày hết hạn phải thanh toán	Mặc định ngày hiện tại, có thể sửa	
6	Mẫu hóa đơn	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
7	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
8	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Tên khách hàng	Tên đầy đủ của khách hàng in trên hóa đơn theo đăng ký với cơ quan thuế	Tham chiếu từ mã khách hàng	X
10	MST	Mã số thuế của khách hàng	Tham chiếu từ mã khách hàng	X
11	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã khách hàng	X
12	Người mua	Người đại diện cho công ty mua hàng để ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
13	Email	Email của công ty để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
14	Tổng tiền hàng	Tổng cộng tiền hàng của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Tự động copy từ tab Vật tư	X
15	Tiền thuế	Tổng cộng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trên hóa đơn	Tự động copy từ tab Vật tư	X

## 11. TP/VT.02a – QUY TRÌNH XUẤT SỬ DỤNG VẬT TƯ – TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN

### 11.1. Mục đích quy trình

- Quy trình dùng để:

Xuất sử dụng phục vụ đội xe như bình điện, sấm lốp, dầu mỡ nhờn cho phương tiện theo báo cáo thay thế của phương tiện. Không xuất hóa đơn và thực hiện hạch toán vào chi phí.

### 11.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 11.2.1. Hướng dẫn thực hiện Xuất sử dụng vật tư – Không có hóa đơn (218).

##### 11.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã thực hiện Nhập mua vật tư (215)

##### 11.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Vật tư → Xuất sử dụng/TSCĐ/Giá vốn

##### 11.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **218** hoặc theo đường dẫn trên:

STT	Vật tư	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Kho
1	0801051 - Dầu động cơ 2 thì Me Koi	HOP - Hộp	102 - Nguồn	2	100.VT20 - Kho vật tư
2					
3					

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Tài khoản phí	Tài khoản hạch toán chi phí vật tư	Chọn từ danh mục	X
2	KM Phí	Khoản mục phí của vật tư	Chọn từ danh mục	X
3	TTCP	Trung tâm chi phí của vật tư	Chọn từ danh mục	X
4	PTVC	Phương tiện vận chuyển	Chọn từ danh mục	
5	Vật tư	Hàng hóa xuất sử dụng	Chọn từ danh mục	X
6	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
7	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
8	Số lượng	Số lượng vật tư xuất	Nhập thủ công	X
9	Kho	Kho xuất hàng	Chọn từ danh mục	X

## 12. TP/VT.02b – QUY TRÌNH XUẤT SỬ DỤNG VẬT TƯ – TRƯỜNG HỢP CÓ HÓA ĐƠN

### 12.1. Mục đích quy trình

- Quy trình dùng để:
  - + Xuất sử dụng phục vụ đội xe như bình điện, sảm lốp, dầu mỡ nhờn cho phương tiện theo báo cáo thay thế của phương tiện. Có xuất hóa đơn và thực hiện hạch toán vào chi phí.
  - + Xuất biểu tặng. Thực hiện xuất hóa đơn và hạch toán vào chi phí.

### 12.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 12.2.1. Hướng dẫn thực hiện Xuất sử dụng vật tư – Có hóa đơn (219)

##### 12.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã thực hiện Nhập mua vật tư (215) và Nhập mua hóa đơn sau – Vật tư (215X).

##### 12.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Vật tư → Xuất sử dụng/TSCĐ/Giá vốn

##### 12.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **219** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
<b>Tab Ghi nhận xuất dùng</b>				
1	Chứng từ tham chiếu	Số chứng từ tham chiếu	Nhập trực tiếp/ Tìm kiếm	X
2	Ngày	Ngày xuất vật tư	Mặc định ngày giờ hiện tại	
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	
4	Tài khoản phí	Tài khoản hạch toán chi phí sử dụng vật tư	Chọn từ danh mục	X
5	KM Phí	Khoản mục phí của vật tư	Chọn từ danh mục	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
6	Trung tâm chi phí	Vật tư xuất dùng cho bộ phận nào	Chọn từ danh mục	X
7	PTVC	Phương tiện vận chuyển	Chọn từ danh mục	
8	Vật tư	Hàng hóa xuất sử dụng	Copy từ 215X <i>Chỉ hiển thị</i>	X
9	ĐVT	Đơn vị tính	Copy từ 215X <i>Chỉ hiển thị</i>	X
10	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Copy từ 215X <i>Chỉ hiển thị</i>	X
11	Số lượng	Số lượng vật tư xuất	Nhập thủ công	X
12	Giá trước thuế	Đơn giá chưa bao gồm thuế	Copy từ 215X	X
13	VAT%	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định 10%	X
14	Tiền hàng hóa	Tổng tiền chưa bao gồm thuế	Copy từ 215X	X
15	Tổng tiền	Tổng tiền đã bao gồm thuế	Copy từ 215X	X
16	Kho hàng	Kho xuất hàng	Chọn từ danh mục	X

### - Tab Hóa đơn VAT

Ghi nhận xuất dùng **Hóa đơn VAT** Save (Ctrl-S)

642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp KM Phí 0613 - Chi phí dầu nhờn

Ghi chú

Công ty 101 - Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolime

VAT% 10

Ngày hóa đơn 30/12/2019

Mẫu HĐ 01GTKT01

Ký hiệu HĐ HL/19P

Số HĐ 019934339

Mã số thuế 0108005532-00

Địa chỉ Số 01, Đường Tự Do, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha

Email

HH/DV

Tiền thuế 650 000

Tiền sau thuế 7 150 000

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Công ty	Tên công ty có nhu cầu sử dụng vật tư	Chọn trong danh mục	X
2	% VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Tự động Tự động copy từ tab Ghi nhận xuất dùng	X
3	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Nhập thủ công	X
4	Mẫu HĐ	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
5	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
6	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
7	MST	Mã số thuế công ty	Nhập thủ công	X
8	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Người mua	Người đại diện cho công ty mua hàng để ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
10	Email	Email của công ty để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
11	Tiền thuế	Tổng cộng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Tự động copy từ tab Ghi nhận xuất dùng	X
12	Tiền sau thuế	Tổng cộng tiền hàng đã bao gồm thuế trong hóa đơn	Tự động copy từ tab Ghi nhận xuất dùng	X



### 13. QUY TRÌNH NHẬP HÓA ĐƠN ĐIỀU CHỈNH

#### 13.1. Mục đích quy trình

- Điều chỉnh hóa đơn mua hàng từ Nhà cung cấp đã nhập trước đó.

#### 13.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

##### 13.2.1. Hướng dẫn thực hiện Nhập hóa đơn điều chỉnh nhà cung cấp (PJX).

###### 13.2.1.1. Điều kiện thực hiện

- Đã nhập hóa đơn nhà cung cấp

###### 13.2.1.2. Đường dẫn

- Logistics → Mua nội địa → Nhập hóa đơn điều chỉnh nhà cung cấp

###### 13.2.1.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **PJX** hoặc theo đường dẫn trên

**Nhập hóa đơn điều chỉnh nhà cung cấp**

Ngày chứng từ: 27/12/2019 14:57

Ghi chú: [ ]

Hàng hóa: [ ] Thông tin hóa đơn: [ ] Save (Ctrl-S) [ ]

Nhà cung cấp: 100011 - CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH [ ] Ghi chú: [ ]

STT	Hàng hóa	ĐVT	Nguồn hàng	Số lượng	Giá trước thuế	VAT%	Tiền hàng hóa	Tổng tiền
1	» 0201004 - Xăng E5 RON 92-II	LTT - Liter	200 - Nguồn	1	10 000 000	10	10 000 000	11 000 000
2	»		200 - Nguồn			10		
3	»		200 - Nguồn			10		

#### - Tab *Hàng hóa*

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp	Nhà cung cấp xuất hóa đơn	Chọn từ danh mục	X
3	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	X
4	Hàng hóa	Hàng hóa	Chọn từ danh mục	X
5	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
6	Nguồn hàng	Chỉ định nguồn hàng	Chọn từ danh mục	X
7	Số lượng	Hóa đơn điều chỉnh NCC không theo dõi về lượng => Nhập giá trị = 01	Nhập thủ công	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
8	Giá trước thuế	Giá trị điều chỉnh	Nhập thủ công	X
9	VAT%	Tỷ suất % thuế GTGT	Mặc định VAT 10%	X
10	Tiền hàng hóa	Tiền hàng chưa bao gồm thuế	Hệ thống tự tính	X
11	Tổng tiền	Tiền hàng đã bao gồm thuế	Hệ thống tự tính	X

- Tab Thông tin hóa đơn

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Nhà cung cấp	Mã nhà cung cấp	Tự động Tự động copy từ tab Hàng hóa	X
2	% VAT	Tỷ suất % thuế GTGT	Tự động Tự động copy từ tab Hàng hóa	X
3	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán cho NCC	Mặc định là CK – chuyển khoản, có thể sửa	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
4	Ngày hóa đơn	Ngày phát hành hóa đơn	Mặc định ngày hiện tại. có thể sửa	
5	Ngày đáo hạn	Ngày hết hạn phải thanh toán	Mặc định ngày hiện tại. có thể sửa	
6	Mẫu hóa đơn	Mẫu số trên quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
7	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu quyền hóa đơn	Nhập thủ công	X
8	Số hóa đơn	Số hóa đơn	Nhập thủ công	X
9	Tên khách hàng	Tên đầy đủ của NCC in trên hóa đơn theo đăng ký với cơ quan thuế	Tham chiếu từ mã NCC	X
10	MST	Mã số thuế của NCC	Tham chiếu từ mã NCC	X
11	Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng thể hiện trên hóa đơn	Tham chiếu từ mã NCC	X
12	Người mua	Người đại diện cho khách mua hàng ký xác nhận trên hóa đơn	Nhập thủ công	
13	Email	Email của công ty để nhận thông tin về hóa đơn điện tử	Nhập thủ công	
14	Tổng tiền hàng	Tổng cộng tiền hàng của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Tự động copy từ tab Hàng hóa	X
15	Tiền thuế	Tổng cộng tiền thuế của tất cả các mặt hàng có trong hóa đơn	Tự động copy từ tab Hàng hóa	X

## 14. QUY TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIÁ VỐN

### 14.1. Mục đích quy trình

- Điều chỉnh tổng giá vốn xuất kho hàng tháng do công thức tính giá vốn được làm tròn số sau phần thập phân.

### 14.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 14.2.1. Hướng dẫn thực hiện Điều chỉnh giá vốn

##### 14.2.1.1. Đường dẫn

- Logistics → Giao dịch kho → Điều chỉnh giá vốn (A0)

##### 14.2.1.2. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode A0 hoặc theo đường dẫn trên

**Điều chỉnh giá vốn**  
 Ngày hạch toán: 4/11/2020 10:19  
**Chi tiết hàng hóa** Save (Ctrl-S)

Ghi chú: Điều chỉnh giá vốn xuất kho tháng 11  
 Nguồn hàng: Nguồn đã nộp thuế BVMT

	Hàng hóa	ĐVT	Ghi chú	Trị giá	Kho xuất
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	L15 - Lit 15	Điều chỉnh giá vốn xuất kho th	-8	100.HH00 - Kho thủ tục văn phòng T
2					
3					
4					

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Ngày hạch toán	Thời điểm nhập điều chỉnh giá vốn cho kho	Mặc định ngày giờ hiện tại <i>Có thể sửa</i>	X
2	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	X
3	Nguồn hàng	Nguồn hàng cần điều chỉnh giá vốn	Chọn từ danh mục	X
4	Hàng hóa	Mặt hàng cần điều chỉnh giá vốn	Chọn từ danh mục	X
5	ĐVT	Đơn vị tính	Chọn từ danh mục	X
6	Ghi chú	Thông tin thêm	Nhập thủ công	X
7	Trị giá	Trị giá giá vốn điều chỉnh	Nhập thủ công	X
8	Kho xuất	Kho cần điều chỉnh giá vốn	Chọn từ danh mục	X

## 15. QUY TRÌNH KIỂM KÊ HÀNG HÓA

### 15.1. Mục đích quy trình

- Qua thực tế kiểm kê, xác định được lượng tồn kho thực tế. Từ đó tính ra lượng chênh lệch cuối kỳ kiểm kê.

### 15.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 15.2.1. Hướng dẫn thực hiện Kiểm kê hàng hóa

##### 15.2.1.1. Đường dẫn

- Logistics → Giao dịch kho → Kiểm kê hàng hóa (AAHH)

##### 15.2.1.2. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode AAHH hoặc theo đường dẫn trên

**Chênh lệch kiểm kê hàng hóa**

Đến ngày: 31/10/2020 23:59

Đơn vị tính:  DVT Cơ bản  DVT Hạch toán

Kho hàng hóa: 100.T001 - Kho CHXD số 1

Next >>

Tại màn hình Chênh lệch kiểm kê hàng hóa, người dùng thực hiện nhập các thông tin:

- Đến ngày: Kiểm kê hàng hóa tới thời điểm này.
- Đơn vị tính: Lựa chọn đơn vị tính cho hàng hóa thực hiện kiểm kê.
- Kho hàng: Lựa chọn kho thực hiện kiểm kê.

Sau khi lựa chọn các thông tin lấy dữ liệu kiểm kê trên sổ sách, người dùng kích chọn **Next** để nhập chứng từ Chênh lệch kiểm kê hàng hóa.

**Chênh lệch kiểm kê hàng hóa**

Ngày 31/10/2020 23:59

Nguyên giá

Loại tiền VND Tỷ giá 1

	Hàng hóa	ĐVT	Số sách	Thực tế	Chênh lệch	Kho
1 >>	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	L15 - Lit 15	13149.76	13 133.76	-16	100.T001 - Kho CHXD số 1
2 >>	0201042 - Xăng RON95-IV	L15 - Lit 15	15287.71	15 266.71	-21	100.T001 - Kho CHXD số 1
3 >>	0601002 - DO 0,05S-II	L15 - Lit 15	21572.85	21 555.85	-17	100.T001 - Kho CHXD số 1
4 >>	0801003 - Dầu nhớt PLC Racer Scooter - F	LON - Lon	79	79	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
5 >>	0801016 - PLC CATER 15W40 - CI4 - Thù	THU - Thù	3	3	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
6 >>	0801039 - PLC RACER SF - Hộp 0,8 lit	HOP - Hộp	65	65	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
7 >>	0801040 - PLC RACER SF - Hộp 1 lit	HOP - Hộp	98	98	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
8 >>	0801052 - KOMAT SHD50 - Phuy 200 lit	LTT - Lit	200	200	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
9 >>	0801054 - KOMAT SHD50 - Thùng 25 lit	THU - Thù	2	2	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
10 >>	0801153 - Gear Oil MP 90 EP - Hộp 4 lit	HOP - Hộp	23	23	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
11 >>	0801284 - PLC Cater CI4 - 25L	THU - Thù	2	2	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
12 >>	0802077 - PLC Brake Fluid Dot 3	HOP - Hộp	56	56	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
13 >>	0808085 - PLC AW Hydroil 68- thùng 18L	THU - Thù	1	1	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
14 >>	0808087 - PLC AW Hydroil 68 - Thùng 25	THU - Thù	2	2	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
15 >>	0899014 - PLC Super Coolant 100 - Hộp 0,	HOP - Hộp	40	40	0	100.T001 - Kho CHXD số 1
16 >>	1304103 - Nước giặt cao cấp JANA loại 02	CAN - Can	113	113	0	100.T001 - Kho CHXD số 1

Tại đây, người dùng nhập số lượng thực tế kiểm kê. Phần mềm sẽ tự động tính ra số lượng chênh lệch kiểm kê.

Người dùng kích **Save** hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + S** để lưu chứng từ.

## 16. QUY TRÌNH KHAI BÁO GIÁ NHẬP TỪ NHÀ CUNG CẤP

### 16.1. Mục đích quy trình

- Quy trình mô tả nghiệp vụ khai báo giá nhập từ Nhà cung cấp hàng hóa.

### 16.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình

#### 16.2.1. Điều kiện thực hiện

- Đã có báo giá từ phía NCC

#### 16.2.2. Đường dẫn

- Logistics → Khai báo giá → Giá nhập từ nhà cung cấp

#### 16.2.3. Hướng dẫn chi tiết

Vào bằng Tcode **PC91** hoặc theo đường dẫn trên

Tại đây, người dùng thực hiện nhập các trường thông tin còn thiếu trên màn hình với chi tiết ý nghĩa của các trường thông tin như sau:

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Ngày hiệu lực	Ngày hiệu lực của hồ sơ giá bán cuối	Mặc định ngày giờ hiện tại	X
2	Nhà cung cấp	Người bán hàng hóa	Chọn trong danh mục	X
3	Ghi chú	Diễn giải chứng từ	Nhập thủ công	
4	Hàng hóa	Mặt hàng khai báo giá bán	Chọn trong danh mục	X
5	Đơn vị tính	Đơn vị tính giao nhận	Chọn trong danh mục	X
6	Giá trước thuế	Giá mua chưa thuế GTGT	Nhập thủ công	X
7	VAT	Tỷ suất thuế GTGT	Mặc định 10%	X
8	Giá bán	Giá bán cuối cùng cho khách hàng	Tự nhập	X
9	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn của hồ sơ giá	Tự nhập	
10	Vùng giá	Vùng giá bán. Nếu để trống là áp dụng cho tất cả các vùng giá	Chọn trong danh mục	